

- Đính chính cụm từ “Công ty TNHH Kim Phú Hưng” thành “Công ty TNHH Kim khí Phú Hưng” tại Giấy đăng ký chào bán; Bản cáo bạch đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và Nghị quyết HĐQT số 110/NQ-HĐQT và các tài liệu khác có liên quan trong Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của TSA.

Điều 2. Điều chỉnh nội dung thông tin về tên sản phẩm tại Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 110/NQ-HĐQT ngày 29/08/2024 về việc tiếp tục triển khai phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, Công ty dự kiến phương án bổ sung vốn lưu động; chi tiết cho (4) **Chi phí mua bích cọt, mặt bích cọc phục vụ sản xuất** là 2.000.000.000 đồng.

Trong đó nội dung đã thể hiện là:

- “Thanh toán một phần tiền mua **mặt bích** cho đối tác CTCP Sản xuất và Thương mại Kim khí Hưng Bắc theo Hợp đồng nguyên tắc số 02/01/2024/HĐNT/HB-TS/2024 ngày 02/01/2024 là 600.000.000 đồng”;
- “Thanh toán một phần tiền mua **mặt bích** cho đối tác Công ty TNHH Tiến Cường theo Hợp đồng nguyên tắc số 02.01.2024 HĐNT/TC-TS ngày 02/01/2024 là 900.000.000 đồng”.

Trên thực tế, các thuật ngữ gồm **mặt bích**, **mặt bích cọc** và **bích đầu cọc** đều được hiểu là bộ phận cơ khí sử dụng để kết nối, cố định các chi tiết trong hệ thống ống, kết cấu thép, hoặc cọc trong xây dựng. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo tính thống nhất của các thuật ngữ trong Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024, Công ty, điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh thuật ngữ “**mặt bích**” thành “**bích đầu cọc**” tại Giấy đăng ký chào bán; Bản cáo bạch đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và Nghị quyết HĐQT số 110/NQ-HĐQT và các tài liệu khác có liên quan trong Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của TSA.

Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan đã được thông qua tại Nghị quyết này để hoàn thiện Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của Công ty, bao gồm:

- Đính chính, điều chỉnh các nội dung thông tin tại Phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán trong Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty;
- Tiến hành giải trình chi tiết Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024 theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông, Công ty.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban và các cá nhân liên quan có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

TP. Phú Yên - T. Hà Nam

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2024

[Signature]

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Khánh

PM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

TP. PHÚ YÊN - T. HÀ NAM

Nguyễn Văn Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN



TRUONG SON

Tên Tiếng Anh: TRUONG SON INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0989 143 199

E-mail: congytruongson2002@gmail.com

Website: www.truongsonhn.com.vn

Hà Nam, ngày 22 tháng 08 năm 2024



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .	21
Điều 21. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	34
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	35
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	36
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	38
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42

Điều 46. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 48. Năm tài chính.....	43
Điều 49. Chế độ kế toán	43
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
Điều 51. Báo cáo thường niên	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 52. Kiểm toán.....	44
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	44
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	44
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	44
Điều 54. Giải thể công ty.....	44
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 56. Thanh lý	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 58. Điều lệ công ty	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 9475/24 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH và ĐT tỉnh Hà Nam cấp ngày 19/08/2024; Điều lệ này được sửa đổi và ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
 - i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG SON INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

- Điện thoại: 02262.210.666 – 0989.143.199

- E-mail: congtytruongson2002@gmail.com

- Website: www.truongsonhn.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho đến khi Công ty chấm dứt hoạt động. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một trong số những người quản lý Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người uỷ quyền và người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về nội dung, thời hạn, phạm vi cũng như thực hiện việc uỷ quyền.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện đến 500KV (trừ Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội)	4221 (chính)
2	Xây dựng nhà để ở	4101
3	Xây dựng nhà không để ở	4102
4	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Xây dựng công trình thủy (trừ Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội; Quản lý, khai thác trong trường hợp giao kế hoạch hệ thống công trình kè biển, thủy lợi, thủy nông liên tỉnh, liên huyện)	4291
10	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng)	6810
14	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ Dịch vụ đấu giá tài sản)	6820
15	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng (trừ Dịch vụ nổ mìn)	4312
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi. - Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. - Mua bán kính xây dựng, sơn, vécni, vật tư thiết bị ngành nước. - Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. - Mua bán đồ ngũ kim.	4663
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép	4662
19	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá (trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)	4610
20	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
21	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, sản xuất gạch bằng lò tuynel...	
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh khách sạn.	5510
23	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)	4659
26	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
27	Sản xuất giày, dép	1520
28	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29	Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại (trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối)	4719
32	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
33	Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải, điều độ Hệ thống điện Quốc gia)	3512
34	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
35	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
36	Đúc sắt, thép	2431
37	Đúc kim loại màu	2432
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có	8299

STT	Tên ngành	Mã ngành
	vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	
39	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
40	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
41	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
43	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
44	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.	2220
45	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
46	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
47	Sản xuất điện (trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện Quốc gia; trừ Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng, ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý, tăng lợi tức cho cổ đông và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh;

Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng (bằng chữ: *Ba trăm năm mươi tỷ đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 35.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số

ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21** ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **03** ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **5%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng **biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến**. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa **công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp**. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào và bất cứ nội dung gì khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, **có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài** và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên Hội đồng quản trị; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong trường hợp bầu dồn phiếu mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên ở từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên

tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định tại Điều lệ này).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

- Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên Ban Kiểm soát; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại

trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ **35%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **35%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp .

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bên thứ ba chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn nhất trí thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 08 tháng 11 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Khánh



Nguyễn Văn Trường

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 12 năm 2022 là 350.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Trần Thành	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 15/04/2022)

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Văn Trường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Đoàn Văn Thành	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Thuyết	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Nguyễn Xuân Chính	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2022)

Các thành viên trong Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
Bà Chu Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thỏa	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2023

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Thành



**CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

Số: 05/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2023-242-1

Nguyễn Văn Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0156-2023-242-1



**CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		350.035.338.535	347.381.494.491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.600.740.604	25.853.884.963
1. Tiền	111		34.600.740.604	25.853.884.963
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	2.805.692.482	2.688.755.378
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.805.692.482	2.688.755.378
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.292.658.479	178.068.152.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	204.483.995.071	172.548.330.779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.216.325.338	2.922.297.286
3. Các khoản phải thu khác	136	5.5	3.161.328.550	3.024.625.050
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.9	(568.990.480)	(427.100.480)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	99.538.292.432	135.788.657.546
1. Hàng tồn kho	141		99.538.292.432	135.788.657.546
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		797.954.538	4.982.043.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.913.214	4.982.043.969
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	246.041.324	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.165.772.971	227.841.549.367
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.170.974.558	10.170.974.558
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	10.170.974.558	10.170.974.558
II. Tài sản cố định	220		167.160.090.175	183.188.686.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	167.160.090.175	183.188.686.764
- Nguyên giá	222		285.070.216.273	283.244.990.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.910.126.098)	(100.056.303.715)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.476.813.706	31.353.428.656
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	31.476.813.706	31.353.428.656
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.357.894.532	3.128.459.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	2.357.894.532	3.128.459.389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		561.201.111.506	575.223.043.858

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.249.730.750	215.282.181.678
I. Nợ ngắn hạn	310		183.238.642.863	193.167.156.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	74.310.233.847	62.166.027.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	8.676.102.689	9.759.567.439
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.054.562.811	1.260.242.015
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.185.620.905	10.126.131.400
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	89.998.355.215	109.841.420.780
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.767.396	13.767.396
II. Nợ dài hạn	330		15.011.087.887	22.115.025.071
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	15.011.087.887	22.115.025.071
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	362.951.380.756	359.940.862.180
I. Vốn chủ sở hữu	410		362.951.380.756	359.940.862.180
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		12.951.380.756	9.940.862.180
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.940.862.180	4.467.019.523
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.010.518.576	5.473.842.657
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		561.201.111.506	575.223.043.858

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 05-11-2024
 Số chứng thực... 117... Quyền số... SGT/BS

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH

Đặng Thị Chinh



Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	470.144.324.411	394.405.626.214
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	524.070.200	549.374.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		469.620.254.211	393.856.252.214
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	425.449.273.135	351.063.571.811
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.170.981.076	42.792.680.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	133.294.060	128.461.484
7. Chi phí tài chính	22	6.5	9.166.203.222	7.982.462.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.166.203.222	7.982.462.606
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	11.795.393.589	12.001.331.107
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	19.088.555.546	15.941.155.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.254.122.779	6.996.192.456
11. Thu nhập khác	31	6.6	47.974.747	4.788.216
12. Chi phí khác	32	6.7	43.104.221	26.896.000
13. Lợi nhuận khác	40		4.870.526	(22.107.784)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.258.993.305	6.974.084.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.148.474.729	1.500.242.015
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.110.518.576	5.473.842.657
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	88,87	180,36
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	88,87	180,36

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 05-11-2024
 Số chứng thực: Quyển số: 05CT/BS
 Người lập: Kế toán trưởng:

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC LẠNH

Đặng Thị Chính



Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.258.993.305	6.974.084.672
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		20.562.061.940	21.635.321.240
- Các khoản dự phòng	03		141.890.000	125.478.972
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(133.294.060)	(128.461.484)
- Chi phí lãi vay	06		9.166.203.222	7.982.462.606
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.995.854.407	36.588.886.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.182.306.413)	26.620.105.232
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		36.250.365.114	(35.631.741.413)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.856.496.095	(42.297.187.577)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		770.564.857	(2.470.334.643)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.166.203.222)	(7.982.462.606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.354.153.933)	(598.789.016)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.170.616.905	(25.771.524.017)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.493.115.471)	(24.724.133.946)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(116.937.104)	(120.110.074)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		133.294.060	128.461.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.476.758.515)	(24.715.782.536)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	50.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		202.847.825.229	238.922.310.513
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(229.794.827.978)	(245.290.076.051)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.947.002.749)	43.632.234.462
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.746.855.641	(6.855.072.091)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.853.884.963	32.708.957.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		34.600.740.604	25.853.884.963

CHỨNG THỰC
ĐẢM BẢO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 25/02/2024
 Số chứng thực: Quyền số: 09CT/BS

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Người lập


Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC LẠNH

Đặng Thị Chinh

Đoàn Văn Thành

M.S.D.N. 0700210210 - C.T
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN
 P. PHỦ LÝ - T. HÀ NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 12 năm 2022 là 350.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng*).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình điện đến 500KV);

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Phá dỡ;

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;

Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, mua bán kính xây dựng, sơn, véc ni, vật tư thiết bị ngành nước, mua bán tre nứa, gỗ cầu và gỗ chế biến, mua bán đồ ngũ kim.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Chi tiết: Mua bán sắt thép.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.

- Đại lý, môi giới, đấu giá.

Chi tiết: Đại lý mua bán kỹ gửi hàng hóa;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Chi tiết: Sản xuất bê tông trộn sẵn, tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Chi tiết: Sản xuất vật liệu từ đất, sản xuất gạch bằng lò tuynel...

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh khách sạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất giày dép;
- Đầu tư và kinh doanh điện năng; đầu tư và kinh doanh khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái; tôn thép, mạ kim loại; sản xuất và kinh doanh thiết bị, vật tư ngành điện, composite; kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Số lao động tại thời điểm 31/12/2022 là 261 người.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn.

4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho".

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-15 năm
- Thiết bị văn phòng	03-07 năm

4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong năm của Công ty.

4.14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm, đảm bảo:

- Nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn;
- Đảm bảo nguyên tắc thận trọng, ghi nhận ngay các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho;

4.15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.17. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ hoạt động xây lắp và bán hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT là 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác theo luật quy định.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 8.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	2.006.049.870	1.250.689.204
Tiền gửi ngân hàng	32.594.690.734	24.603.195.759
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	1.363.277.152	4.516.987
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nam	142.222.398	457.724.346
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Nam	5.104	5.104
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	7.717.143.810	15.766.842.422
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam	22.185.281.117	7.941.058.534
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam	1.186.761.153	433.048.366
Cộng	<u>34.600.740.604</u>	<u>25.853.884.963</u>

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	204.483.995.071	172.548.330.779
- Công ty TNHH Duyên Hà	4.696.775.674	6.622.903.666
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Tân Việt	12.047.666.959	9.629.253.935
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	4.916.393.582	5.926.947.216
- Công ty Điện lực Hà Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	32.223.377.752	791.959.500
- Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	3.310.155.231	3.058.284.434
- Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	27.466.122.442	24.827.730.163
- Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội - Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội	2.188.697.707	10.239.350.131
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	12.383.459.891	12.280.526.957
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Xử lý nền móng Thành Đông	7.142.011.780	6.458.375.820
- Công ty TNHH điện Sông Thương	4.912.354.260	5.023.498.740
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng và Lắp máy điện	2.044.637.160	4.142.749.800
- Công ty TNHH Vật liệu điện và Xây lắp Thanh Xuân	4.457.485.062	3.883.301.622
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Thành Đạt	1.151.876.800	3.536.668.500
- Công ty Điện Lực Lai Châu - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	2.256.549.669	3.443.066.393
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây lắp điện Thiên Trường	-	3.224.062.315
- Công ty Cổ phần Xây lắp công trình 478	4.848.929.380	3.217.884.900
- Công ty điện lực Chương Mỹ-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	-	3.092.322.530
- Ban quản lý dự án Lưới Điện	-	3.021.169.805

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

- Ban Quản Lý Dự Án Xây Dựng Điện Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	11.565.374.888	-
- Công ty Cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	5.825.538.320	1.728.672.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Tùng Bách	5.436.636.850	2.398.177.350
- Công ty điện lực Thanh Hoá - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	4.548.121.573	2.694.451.425
- Công ty TNHH Song Hoàng	3.982.409.280	-
- Phải thu khách hàng khác	47.079.420.811	53.306.973.577
b) Phải thu khách hàng dài hạn	10.170.974.558	10.170.974.558
- Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	10.170.974.558	10.170.974.558
Cộng	214.654.969.629	182.719.305.337
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.216.325.338	2.922.297.286
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật Việt Nam	2.150.902.490	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ngãi Cầu	1.282.948.011	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp Tiên Phát	775.202.091	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Dịch vụ Trường Việt	-	432.872.495
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng D.O.T	-	411.570.000
- Công ty TNHH Vật liệu điện và Xây lắp Thanh Xuân	-	290.200.000
- Công ty TNHH Đại Thành	-	288.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	-	281.000.000
- Phải trả khách hàng khác	1.007.272.746	1.218.054.791
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	5.216.325.338	2.922.297.286
c) Trả trước người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	2.357.894.532	3.128.459.389
Chi phí sửa chữa tài sản	226.434.666	232.869.333
Công cụ dụng cụ xuất dùng	639.619.866	1.323.110.056
Chi phí trả trước khác	1.491.840.000	1.572.480.000
Cộng	2.357.894.532	3.128.459.389

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.161.328.550	-	3.024.625.050	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	15.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	3.146.328.550	-	3.024.625.050	-
<i>Tiền giải phóng mặt bằng (*)</i>	<i>3.146.328.550</i>		<i>3.024.625.050</i>	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.161.328.550	-	3.024.625.050	-

(*) Đây là khoản tiền giải phóng mặt bằng các lô đất của Công ty thuộc Khu công nghiệp trả cho Ban quản lý các khu công nghiệp và sau đó được trừ vào tiền thuê đất hàng năm của công ty.

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	38.613.221.582	-	37.624.458.333	-
Chi phí SXKD dở dang	21.100.654.878	-	57.434.602.091	-
Thành phẩm nhập kho	39.824.415.972	-	40.729.597.122	-
Cộng	99.538.292.432	-	135.788.657.546	-

5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Xây dựng cơ bản dở dang	31.476.813.706	31.353.428.656
Xây dựng Trung tâm TM & TH Trường Sơn (*)	31.476.813.706	31.353.428.656
Cộng	31.476.813.706	31.353.428.656

(*) Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Trường Sơn với tổng diện tích 21.296 m², thời hạn cho thuê đất đến hết ngày 06/12/2067 với hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Quy mô đầu tư xây dựng được chia thành 02 khu chính, cụ thể:

- Khu A (diện tích 9.761 m²): Bố trí các hạng mục công trình: Nhà trưng bày xe ô tô và sửa chữa, bảo dưỡng xe; Nhà trưng bày xe ô tô; Nhà ở nhân viên; Nhà dịch vụ; Nhà để xe máy; các hạng mục công trình phụ trợ khác...

- Khu B (diện tích 11.535 m²): Bố trí các hạng mục công trình: Nhà ở nhân viên; Nhà hàng số 01; Nhà lễ tân; Nhà hàng số 02; Nhà hàng số 03; Nhà kho; Nhà vật nuôi; các hạng mục công trình phụ trợ khác...

Đến ngày 31/12/2022, công ty đã hoàn thành nghiệm thu giai đoạn I của khu B.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a) Ngân hạn

- Tiền gửi ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (*)

b) Dài hạn

Cộng

31/12/2022

01/01/2022

Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
2.805.692.482	2.805.692.482	2.688.755.378	2.688.755.378
2.805.692.482	2.805.692.482	2.688.755.378	2.688.755.378
-	-	-	-
2.805.692.482	2.805.692.482	2.688.755.378	2.688.755.378

(*) Chi tiết khoản tiền gửi:

- Hợp đồng tiền gửi số 3582177702145251.TG.DN ngày 26/12/2017 tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam; Số tiền gửi: 1.071.000.000 VND, lãi nhập gốc là 290.359.727 VND, lãi suất 6,3%/năm, thời hạn gửi 12 tháng.

- Hợp đồng tiền gửi số 3581177702145251.TG.DN ngày 26/12/2017 tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam; Số tiền gửi 1.071.000.000 VND, lãi nhập gốc là 256.395.651 VND, lãi suất 4,5%/năm, thời hạn gửi 6 tháng.

Các khoản tiền gửi tiết kiệm này đã được cầm cố cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (xem Thuyết minh số 5.14 - Vay và nợ thuê tài chính).

5.9 . NỢ XẤU

- Các khoản phải thu ngắn hạn

+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện lực và Hạ tầng Đồng Nam Á

+ Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh

Cộng

31/12/2022

01/01/2022

Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
283.780.000	-	(283.780.000)	283.780.000	141.890.000	(141.890.000)
212.775.000	-	(212.775.000)	212.775.000	-	(212.775.000)
72.435.480	-	(72.435.480)	72.435.480	-	(72.435.480)
568.990.480	-	(568.990.480)	568.990.480	141.890.000	(427.100.480)

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	119.057.926.206	117.063.820.888	46.122.145.658	1.001.097.727	283.244.990.479
Tăng trong năm	-	4.533.465.351	-	-	4.533.465.351
- <i>Mua trong năm</i>	-	4.182.168.362	-	-	4.182.168.362
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	-	351.296.989	-	-	351.296.989
Giảm trong năm	-	1.650.714.285	1.022.727.272	34.798.000	2.708.239.557
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	1.650.714.285	1.022.727.272	34.798.000	2.708.239.557
Số dư cuối năm	119.057.926.206	119.946.571.954	45.099.418.386	966.299.727	285.070.216.273
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.149.431.259	35.679.306.237	19.583.588.044	643.978.175	100.056.303.715
Tăng trong năm	6.411.361.344	10.483.582.513	3.575.550.819	91.567.264	20.562.061.940
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	6.411.361.344	10.483.582.513	3.575.550.819	91.567.264	20.562.061.940
Giảm trong năm	-	1.650.714.285	1.022.727.272	34.798.000	2.708.239.557
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	1.650.714.285	1.022.727.272	34.798.000	2.708.239.557
Số dư cuối năm	50.560.792.603	44.512.174.465	22.136.411.591	700.747.439	117.910.126.098
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	74.908.494.947	81.384.514.651	26.538.557.614	357.119.552	183.188.686.764
2. Tại ngày cuối năm	68.497.133.603	75.434.397.489	22.963.006.795	265.552.288	167.160.090.175

• Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

• Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

73.477.377.410 VND

44.292.079.570 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	74.310.233.847	74.310.233.847	62.166.027.577	62.166.027.577
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	9.561.907.456	9.561.907.456	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Tân Việt	3.060.223.625	3.060.223.625	3.554.655.731	3.554.655.731
- Công ty TNHH Duyên Hà	8.768.125.560	8.768.125.560	3.206.952.545	3.206.952.545
- Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	7.171.190.892	7.171.190.892	7.876.910.559	7.876.910.559
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thiết bị giao thông	-	-	6.420.647.674	6.420.647.674
- Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	5.740.846.100	5.740.846.100	3.747.343.800	3.747.343.800
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Việt Linh	21.869.043	21.869.043	3.234.091.797	3.234.091.797
- Công ty Cổ phần hội tụ số Việt Nam	332.927.700	332.927.700	2.777.145.000	2.777.145.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Hưng Thịnh	2.477.782.064	2.477.782.064	2.405.253.430	2.405.253.430
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Xây dựng Trường Phát	1.823.275.995	1.823.275.995	1.823.275.995	1.823.275.995
- Công ty TNHH Cơ khí Đức Thành Công	1.238.332.190	1.238.332.190	1.574.052.660	1.574.052.660
- Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị phòng cháy chữa cháy	166.046.128	166.046.128	1.407.593.513	1.407.593.513
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện máy Hà Tây	-	-	1.327.255.345	1.327.255.345
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất công nghiệp	650.277.160	650.277.160	1.210.215.191	1.210.215.191
- Công ty TNHH Tiến Cường	1.538.850.132	1.538.850.132	1.082.236.054	1.082.236.054
- Công ty TNHH Phương Cường	-	-	1.070.897.441	1.070.897.441
- Công ty TNHH Kim Khí Phú Hưng	6.910.975.787	6.910.975.787	571.432.309	571.432.309
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Tùng Bách	3.030.140.840	3.030.140.840	18.579.855	18.579.855
- Phải trả người bán khác	21.817.463.175	21.817.463.175	18.857.488.678	18.857.488.678
b) Dài hạn				
Cộng	74.310.233.847	74.310.233.847	62.166.027.577	62.166.027.577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	8.676.102.689	8.676.102.689	9.759.567.439	9.759.567.439
- Ban quản lý dự án phát triển điện lực	1.910.710.133	1.910.710.133	3.758.139.537	3.758.139.537
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Ba Đình	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Ban quản lý dự án Xây dựng điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	-	1.943.049.528	1.943.049.528
- Ban quản lý dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	1.276.711.296	1.276.711.296	1.615.578.005	1.615.578.005
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	-	1.412.215.039	1.412.215.039
- Công ty Điện Lực Phú Thọ - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	4.524.108.249	4.524.108.249	-	-
- Các công ty khác	664.573.011	664.573.011	730.585.330	730.585.330
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.676.102.689	8.676.102.689	9.759.567.439	9.759.567.439

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/được bù trừ trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp	1.260.242.015	39.818.961.796	40.024.641.000	1.054.562.811
- Thuế GTGT	-	38.156.524.787	38.156.524.787	-
- Thuế TNDN	1.260.242.015	1.148.474.729	1.354.153.933	1.054.562.811
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	510.962.280	510.962.280	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
b) Phải thu	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu/bù trừ trong năm	31/12/2022
- Thuế vãng lai ngoại tỉnh (Thuế GTGT)	-	246.041.324	-	246.041.324

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a) Vay ngắn hạn	89.998.355.215	89.998.355.215	209.551.762.413	229.394.827.978
Vay cá nhân	-	-	-	26.400.000.000
- Bà Hoàng Thị Kim Thoa	-	-	-	5.700.000.000
- Ông Hoàng Quang Trung	-	-	-	10.700.000.000
- Bà Nguyễn Thị Quyết	-	-	-	1.800.000.000
- Ông Đặng Văn Thuyết	-	-	-	5.600.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Chính	-	-	-	2.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (1)	27.713.999.646	27.713.999.646	84.749.224.881	92.987.181.046
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (2)	36.179.892.953	36.179.892.953	75.189.081.350	61.977.116.769
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	19.400.525.432	19.400.525.432	42.909.518.998	40.865.974.229
Tổng cộng	89.998.355.215	89.998.355.215	209.551.762.413	229.394.827.978
Số có khả năng trả nợ	89.998.355.215	89.998.355.215	209.551.762.413	229.394.827.978
Số có khả năng trả nợ	89.998.355.215	89.998.355.215	209.551.762.413	229.394.827.978

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND**5.14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn tới hạn trả</i>	6.703.937.184	6.703.937.184	6.703.937.184	7.164.555.934	7.164.555.934	7.164.555.934
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	5.103.937.184	5.103.937.184	5.103.937.184	5.564.555.934	5.564.555.934	5.564.555.934
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
b) Vay dài hạn	15.011.087.887	15.011.087.887	-	7.103.937.184	22.115.025.071	22.115.025.071
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	12.211.087.887	12.211.087.887	-	5.103.937.184	17.315.025.071	17.315.025.071
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	2.000.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Cộng	105.009.443.102	105.009.443.102	209.551.762.413	236.498.765.162	131.956.445.851	131.956.445.851

c) Vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Bà Hoàng Thị Kim Thoa	-	-	-	5.700.000.000	5.700.000.000	5.700.000.000
- Ông Hoàng Quang Trung	-	-	-	10.700.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000
- Bà Nguyễn Thị Quyết	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Ông Đặng Văn Thuyết	-	-	-	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Chính	-	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Cộng	-	-	-	26.400.000.000	26.400.000.000	26.400.000.000

5.14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay:

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3586897/HĐTD ngày 14/09/2022. Theo đó, hạn mức tín dụng thường xuyên là 140.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và phát hành L/C tối đa là 70.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2023, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng bảo đảm là các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (bên nhận thế chấp), hợp đồng thế chấp số 01/2020/3586897/HĐBĐ, 02/2020/3586897/HĐBĐ ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam và tài sản thế chấp của bên thứ ba.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng tín dụng 31180.22.770.2145251.TD ngày 29/06/2022. Theo đó, hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 24/06/2023, lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình, sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực. Tài sản đảm bảo của khoản vay: hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 190419/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019, 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019, HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019, HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019, YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021, 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021; hàng hóa và quyền đòi nợ theo hợp đồng số 56/2020/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 17/04/2020, 279/21/DT/XL/TS-BG ngày 02/12/2021, 80/2021/HĐXL-PCHN ngày 17/12/2021, 28/2022 ngày 23/03/2022, 127/HĐ-BDALĐ-TS ngày 21/04/2020, 268/06/2020/HĐXD-PCTH ngày 08/06/2020, 237/20/DT/XL/TS-BG ngày 14/10/2020, 62/EVNHANOIDPBM/ADB-HNPC-CM-W01 ngày 28/09/2020, 43/2020/HĐ-EVN HANOI PMB ngày 14/08/2020, 64/2021/HĐXL-PCLS ngày 20/08/2021, 01/PCVP-XLKFW3.2-2021 ngày 24/09/2021, 136.211/NPTPMB-TSAIT ngày 01/10/2021, 320/2021/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 14/12/2021, 189.211/NPTPMB-TS-AI ngày 28/12/2021.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng tín dụng số 331/22/HĐCTD/NQ71 ngày 29/09/2022. Theo đó, hạn mức cho vay của hợp đồng là 21.000.000.000 đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 328/20/HĐTC/XJ50 ký ngày 09/09/2020 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huế; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 365/22/HĐTC/NQ71 ký ngày 26 tháng 09 năm 2022 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường.

(4) (a) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng cho vay số 21175.19.770.2145251.TD ngày 10/06/2019. Theo đó, số tiền vay là 66.560.846.660 đồng. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Tài trợ thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị mới thuộc dự án Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực hình thành từ vốn vay; hệ thống máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng kinh tế số HDKT/HP-TS-10042019 và các phụ lục kèm theo; quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR160619; cùng các khoản ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do MB phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng cho vay số 37664.21.770.2145251.TD ngày 07/07/2021. Theo đó, số tiền vay là 1.541.862.224 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Tài trợ trung hạn cho khách hàng mua thiết bị khuôn cọc, bộ đồ gá. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 190419/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019, 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019, HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019, HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019.

(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng cho vay số 48488.21.770.2145251.TD ngày 07/09/2021. Theo đó, số tiền vay là 1.252.790.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí mua Máy móc thiết bị. Tài sản đảm bảo là Máy móc thiết bị theo Hợp đồng kinh tế số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong.

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/35886897/HĐTD ngày 14/04/2021. Theo đó, số tiền vay là 8.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên của tháng 01 và tháng 07 hàng năm. Mục đích vay: Đầu tư Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/35886897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 và 02/2019/35886897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng số 01/2021/35886897/HĐBĐ ngày 13/04/2021 và tài sản thế chấp của bên thứ ba.

5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	9.185.620.905	10.126.131.400
- Phải trả, phải nộp khác	9.185.620.905	10.126.131.400
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam</i>	-	10.126.131.400
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	1.685.620.905	-
<i>Phải trả khác</i>	7.500.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.185.620.905	10.126.131.400

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	4.467.019.523	304.467.019.523
Tăng vốn năm trước	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	5.473.842.657	5.473.842.657
Số dư cuối năm trước	350.000.000.000	9.940.862.180	359.940.862.180
Tăng vốn năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	3.110.518.576	3.110.518.576
Giảm khác (*)	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm	350.000.000.000	12.951.380.756	362.951.380.756

(*) Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2022	31/12/2022	Tỷ lệ vốn góp tại 01/01/2022	01/01/2022
Nguyễn Văn Trường	95%	332.500.000.000	95%	332.500.000.000
Đặng Văn Thuyết	3%	10.500.000.000	3%	10.500.000.000
Nguyễn Xuân Chính	2%	7.000.000.000	2%	7.000.000.000
Cộng	100%	350.000.000.000	100%	350.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	50.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	350.000.000.000	350.000.000.000

6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu hoạt động xây lắp	245.194.246.952	193.156.176.070
Doanh thu bán hàng	224.950.077.459	201.249.450.144
Cộng	470.144.324.411	394.405.626.214

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	524.070.200	549.374.000
Cộng	524.070.200	549.374.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

	Năm 2022	Năm 2021
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn hoạt động xây lắp	231.560.074.580	180.584.158.672
Giá vốn bán hàng	193.889.198.555	170.479.413.139
Cộng	425.449.273.135	351.063.571.811
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi	133.294.060	128.461.484
Cộng	133.294.060	128.461.484
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	9.166.203.222	7.982.462.606
Cộng	9.166.203.222	7.982.462.606
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập khác	47.974.747	4.788.216
Cộng	47.974.747	4.788.216
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản chi phí khác	43.104.221	26.896.000
Cộng	43.104.221	26.896.000
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	19.088.555.546	15.941.155.718
Chi phí nhân viên	10.183.823.582	8.585.728.621
Chi phí vật liệu quản lý	1.324.800.781	1.288.184.007
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	966.999.726	737.978.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.594.870.084	1.291.966.646
Thuế, phí, lệ phí	513.962.280	356.094.144
Chi phí dự phòng	141.890.000	141.890.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.147.320.593	1.823.964.409
Chi phí bằng tiền khác	2.214.888.500	1.715.349.003
b) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	11.795.393.589	12.001.331.107
Chi phí vật liệu quản lý	8.060.492.729	5.276.465.212
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	137.847.554	266.419.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.547.947.760	1.771.490.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.224.072	2.872.887.485
Chi phí bằng tiền khác	1.893.881.474	1.814.068.666
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Năm 2022	Năm 2021	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.822.546.418	330.216.755.532
Chi phí nhân công	46.087.945.873	49.137.221.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.562.061.940	21.635.321.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.099.586.901	17.311.565.155
Chi phí dự phòng	141.890.000	141.890.000
Chi phí bằng tiền khác	7.299.647.124	5.142.178.070
Cộng	434.013.678.256	423.584.931.481

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.258.993.305	6.974.084.672
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.013.820.748	527.125.405
Tổng thu nhập chịu thuế	5.272.814.053	7.501.210.077
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Truy thu thuế TNDN năm trước	93.911.918	-
Thuế TNDN hiện hành	1.148.474.729	1.500.242.015

6.11 . LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.110.518.576	5.473.842.657
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	30.349.437
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	88,87	180,36
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	88,87	180,36

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

7.2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

7.3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	202.847.825.229	238.922.310.513

7.4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	229.794.827.978	245.290.076.051

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Chính yếu)**

Năm 2022

CHỈ TIÊU	XÂY LẬP	BÁN HÀNG	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	245.194.246.952	224.950.077.459	470.144.324.411
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	524.070.200	524.070.200
Giá vốn hàng bán	231.560.074.580	193.889.198.555	425.449.273.135
Lợi nhuận gộp	13.634.172.372	30.536.808.704	44.170.981.076
Tổng tài sản			561.201.111.506
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			5.953.677.069
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			21.531.890.434
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

Năm 2021

CHỈ TIÊU	XÂY LẬP	BÁN HÀNG	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	193.156.176.070	201.249.450.144	394.405.626.214
Các khoản giảm trừ doanh thu		549.374.000	549.374.000
Giá vốn hàng bán	180.584.158.672	170.479.413.139	351.063.571.811
Lợi nhuận gộp	12.572.017.398	30.220.663.005	42.792.680.403
Tổng tài sản			575.223.043.858
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			26.803.105.467
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			22.816.438.138
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Thứ yếu)

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

8.4 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2022	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.600.740.604	-	34.600.740.604
Phải thu khách hàng	204.483.995.071	-	204.483.995.071
Đầu tư	2.805.692.482	-	2.805.692.482
Phải thu khác	3.161.328.550	-	3.161.328.550
Trừ:	(568.990.480)	-	(568.990.480)
Dự phòng phải thu khó đòi	(568.990.480)	-	(568.990.480)
Tổng cộng	244.482.766.227	-	244.482.766.227
Các khoản vay và nợ	89.998.355.215	15.011.087.887	105.009.443.102
Phải trả người bán	74.310.233.847	-	74.310.233.847
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.185.620.905	-	9.185.620.905
Tổng cộng	173.494.209.967	15.011.087.887	188.505.297.854
Chênh lệch thanh khoản thuần	70.988.556.260	(15.011.087.887)	55.977.468.373
01/01/2022	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.853.884.963	-	25.853.884.963
Phải thu khách hàng	172.548.330.779	-	172.548.330.779
Đầu tư	2.688.755.378	-	2.688.755.378
Phải thu khác	3.024.625.050	-	3.024.625.050
Trừ:	(427.100.480)	-	(427.100.480)
Dự phòng phải thu khó đòi	(427.100.480)	-	(427.100.480)
Tổng cộng	203.688.495.690	-	203.688.495.690
Các khoản vay và nợ	109.841.420.780	22.115.025.071	131.956.445.851
Phải trả người bán	62.166.027.577	-	62.166.027.577
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	10.126.131.400	-	10.126.131.400
Tổng cộng	182.133.579.757	22.115.025.071	204.248.604.828
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.554.915.933	(22.115.025.071)	(560.109.138)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.805.692.482	2.688.755.378	2.805.692.482	2.688.755.378
Phải thu khách hàng và phải thu khác	207.645.323.621	175.572.955.829	207.076.333.141	175.145.855.349
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.600.740.604	25.853.884.963	34.600.740.604	25.853.884.963
Tổng cộng	248.207.605.777	212.226.099.528	247.638.615.297	206.844.344.760
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	105.009.443.102	131.956.445.851	105.009.443.102	131.956.445.851
Phải trả người bán	74.310.233.847	62.166.027.577	74.310.233.847	62.166.027.577
Phải trả khác	9.185.620.905	10.126.131.400	9.185.620.905	10.126.131.400
Tổng cộng	188.505.297.854	204.248.604.828	188.505.297.854	204.248.604.828

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 . Thông tin về các bên liên quan**a) Danh sách các bên liên quan (phụ lục 01)****b) Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Bà Nguyễn Thị Quyết	Trả tiền vay	1.800.000.000
Ông Hoàng Quang Thung	Trả tiền vay	10.700.000.000
Ông Đặng Văn Thuyết	Trả tiền vay	5.600.000.000
Ông Nguyễn Xuân Chính	Trả tiền vay	2.600.000.000
Bà Hoàng Thị Kim Thoa	Trả tiền vay	5.700.000.000

c) Lương, thưởng và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT	98.382.885	77.243.600
Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	113.683.800	29.360.800
Đặng Trần Thành	Thành viên HĐQT độc lập	8.000.000	-
Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	117.683.800	47.711.300
Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	117.683.800	47.711.300
Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	105.683.800	47.711.300
Đặng Thị Chính	Kế toán trưởng	100.253.077	61.294.100
Chu Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát	51.151.658	68.572.653
Hoàng Thị Thảo	Thành viên ban kiểm soát	68.541.423	58.658.121
Nguyễn Văn Thờ	Thành viên ban kiểm soát	75.820.854	56.910.968
Tổng cộng		856.885.097	495.174.141

8.6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Chính

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Phụ lục 01: Danh sách các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Đặng Trần Thành	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc
Bà Chu Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thòa	Thành viên ban kiểm soát
Bà Hoàng Kim Huế	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Nguyễn Diệu Linh	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Quang Lâm	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Nguyễn Thị Quyết	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Hoàng Xuân Dư	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Nguyễn Thị Lệ	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Nguyễn Thị Chuyên	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Sỹ Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Hoàng Thị Nhạn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Bà Hoàng Thị Dung	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Hoàng Quang Thung	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Đặng Song Bầy	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Hoàng Thị Nơi	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Hoàng Thị Kim Thoa	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Ông Lý Việt Thái	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Trường
Bà Vũ Thị Lan Hương	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Vũ Hồng Cư	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Đặng Thị Nguyệt	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Đặng Thị Hoa	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Đặng Trần Bích	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Đặng Trần Công	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Vũ Hoàng Hiệp	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Vương Đình Vương	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Vũ Hồng Quang	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Vũ Hồng Trung	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Mai Sỹ Khang	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Ông Đặng Trần An	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành
Bà Đặng Uyển Nhi	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Trần Thành

Phụ lục 01: Danh sách các bên liên quan (tiếp theo)

Họ và tên

Bà Đặng Thúy Hằng
Bà Đặng Thị Bích Ngọc
Bà Đặng Hà Phương
Ông Đặng Đình Tân
Bà Đặng Thị Nhân
Bà Đặng Thị Nhiệm
Ông Đặng Văn Thược
Bà Đặng Thị Thương
Ông Đào Quang Vinh
Ông Nguyễn Tiến Đạt
Bà Hoàng Thị Khuê
Bà Vũ Thị Hồng Huệ
Bà Lê Vũ Nguyệt Minh
Ông Lê Vũ Tuấn Quang
Ông Lê Đức Lợi
Bà Trần Thị Thanh
Bà Trần Thị Bích
Bà Lê Thị Thu Hiền
Ông Phạm Xuân Thăng
Bà Tạ Thị Minh Thu
Ông Vũ Quốc Hiến
Ông Vũ Quốc Hiệu
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Bà Vũ Thị Hân
Ông Ngô Văn Lượng
Bà Vũ Thị Thu Huyền
Ông Nguyễn Thế Hạnh
Ông Hoàng Đình Đoán
Bà Đinh Thị Là
Ông Nguyễn Hoàng Gia Hải
Bà Nguyễn Mộc Anh
Bà Hoàng Yến
Ông Vũ Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Đoàn Phúc Khang
Ông Đoàn Xuân Hoa
Bà Nguyễn Thị Hợi
Ông Nguyễn Bá Thọ
Bà Phạm Thị Oanh
Bà Đoàn Thị Huệ

Chức vụ

Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đặng Văn Thuyết
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Lê Sơn Tùng
Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Xuân Chính
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Ông Phạm Văn Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Bà Đoàn Thị Hằng	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Ông Phạm Văn Sinh	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Bà Đoàn Thị Thu	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Ông Đoàn Văn Khoa	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Ông Lê Xuân Hùng	Thành viên gia đình mật thiết với ông Đoàn Văn Thành
Ông Quân Văn Tâm	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Quân Gia Huy	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Quân An Bình	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Chu Văn Lăng	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến

Phụ lục 01: Danh sách các bên liên quan (tiếp theo)

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Đan	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Chu Thị Chi	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Chu Thị Thanh Chúc	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Trần Xuân Hiệp	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Trần Văn Tường	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Quân Thị Thuật	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Quân Văn Tường	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Trịnh Thị Hạnh	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Quân Thị Tinh	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Quân Văn Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Bà Phạm Thị Bích Hà	Thành viên gia đình mật thiết với bà Chu Hải Yến
Ông Nguyễn Xuân Bách	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Ông Nguyễn Quang Đăng	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Bà Hà Thị Hồng Gấm	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Bà Phạm Thị Băng	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Bà Hoàng Thị Quyên	Thành viên gia đình mật thiết với bà Hoàng Thị Thảo
Bà Nguyễn Thị Hoàn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Quốc Nam	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Đỗ Thị Thúy	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Hoàng Thị Mùi	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Thoa	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Phạm Văn Ninh	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Xuân Thường	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Hoàng Thị Nhài	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Thoan	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Minh Ký	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Ông Nguyễn Văn Duật	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Mịn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Đỗ Quốc Hùng	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Bà Trịnh Thị Bầy	Thành viên gia đình mật thiết với ông Nguyễn Văn Thỏa
Công ty CP Tư vấn Miền Bắc - Mibaco (là bên liên quan đến hết ngày 25/04/2022)	Bà Hoàng Kim Huế là Giám đốc công ty Mibaco

Ngoài ra, Công ty còn các bên liên quan là các cá nhân khác có mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.



BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Công ty được chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên
Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên
Ông Đặng Trần Thành	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoá	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Thành



**CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH**



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Số 2, ngõ 30B Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

08 2509 2007

0102374170

asco@ascovn

www.ascovn



Số: 35/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được lập ngày 22 tháng 3 năm 2024, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH PKF Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 02 năm 2023.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4493-2024-149-1

Kiểm toán viên

Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 05-11-2024
Số chứng thực: Quyển số: 037/BS -



CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		381.351.719.144	350.035.338.535
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	65.860.531.119	34.600.740.604
111 1. Tiền		65.860.531.119	34.600.740.604
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.011.575.963	2.805.692.482
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.011.575.963	2.805.692.482
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		219.778.781.801	212.292.658.479
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	206.379.686.589	204.483.995.071
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.482.451.260	5.216.325.338
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	60.272.100	3.161.328.550
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.143.628.148)	(568.990.480)
140 IV. Hàng tồn kho	9	92.475.545.321	99.538.292.432
141 1. Hàng tồn kho		92.475.545.321	99.538.292.432
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		225.284.940	797.954.538
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	551.913.214
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	225.284.940	246.041.324
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		203.869.910.171	211.165.772.971
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		9.770.974.558	10.170.974.558
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	9.770.974.558	10.170.974.558
220 II. Tài sản cố định		157.171.725.046	167.160.090.175
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	157.171.725.046	167.160.090.175
222 - Nguyên giá		290.199.199.465	285.070.216.273
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(133.027.474.419)	(117.910.126.098)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	32.348.339.963	31.476.813.706
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.348.339.963	31.476.813.706
260 VI. Tài sản dài hạn khác		4.578.870.604	2.357.894.532
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.578.870.604	2.357.894.532
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		585.221.629.315	561.201.111.506

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		212.359.287.531	198.249.730.750
310 I. Nợ ngắn hạn		203.360.827.216	183.238.642.863
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	53.583.564.019	74.310.233.847
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	45.625.994.429	8.676.102.689
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.979.065.576	1.054.562.811
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	240.418.658	-
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	18	-	9.185.620.905
320 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	98.918.017.138	89.998.355.215
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.767.396	13.767.396
330 II. Nợ dài hạn		8.998.460.315	15.011.087.887
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	8.998.460.315	15.011.087.887
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		372.862.341.784	362.951.380.756
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	372.862.341.784	362.951.380.756
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		350.000.000.000	350.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		350.000.000.000	350.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.862.341.784	12.951.380.756
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.951.380.756	9.940.862.180
421b - LNST chưa phân phối năm nay		9.910.961.028	3.010.518.576
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		585.221.629.315	561.201.111.506

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 05-11-2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Số chứng thực: 07 Quyền số: 0SGT/BS

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Chinh

Đoàn Văn Thành

CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	369.631.248.427	470.144.324.411
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	416.358.198	524.070.200
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		369.214.890.229	469.620.254.211
11	4. Giá vốn hàng bán	22	325.946.441.324	425.449.273.135
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.268.448.905	44.170.981.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	284.073.163	133.294.060
22	7. Chi phí tài chính	24	9.276.680.434	9.166.203.222
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.276.680.434	9.166.203.222
25	8. Chi phí bán hàng	25	8.133.930.543	11.795.393.589
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.055.183.024	19.088.555.546
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.086.728.067	4.254.122.779
31	11. Thu nhập khác	27	414.683.882	47.974.747
32	12. Chi phí khác	28	486.206.219	43.104.221
40	13. Lợi nhuận khác		(71.522.337)	4.870.526
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.015.205.730	4.258.993.305
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.996.244.702	1.148.474.729
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.018.961.028	3.110.518.576
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	283	86
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	257	86



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Signature)

**CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Chinh

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Đoàn Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	13.015.205.730	4.258.993.305
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	20.925.457.081	20.562.061.940
03	- Các khoản dự phòng	574.637.668	141.890.000
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5.113.195.255	(133.294.060)
06	- Chi phí lãi vay	9.276.680.434	9.166.203.222
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	48.905.176.168	33.995.854.407
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(7.088.091.392)	(30.182.306.413)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	7.062.747.111	36.250.365.114
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	9.040.043.540	9.856.496.095
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(2.220.976.072)	770.564.857
14	- Tiền lãi vay đã trả	(9.036.261.776)	(9.166.203.222)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.276.296.658)	(1.354.153.933)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	45.386.340.921	40.170.616.905
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(17.669.506.439)	(4.493.115.471)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	557.732.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(116.937.104)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	133.294.060
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	78.189.682	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.033.584.757)	(4.476.758.515)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	230.811.827.257	202.847.825.229
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(227.904.792.906)	(229.794.827.978)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.907.034.351	(26.947.002.749)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	31.259.790.515	8.746.855.641

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.600.740.604	25.853.884.963
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	65.860.531.119	34.600.740.604

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đặng Thị Chinh

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Đoàn Văn Thành

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 05-11-2024
Số chứng thực: 0.7 - Quyền số: 0. SGT/BS



CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Công ty được chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 35.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 110 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 261 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình điện đến 500 kV);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Đầu tư và kinh doanh điện năng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong năm bao gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.20 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- ↳ Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	4.963.628.769	2.006.049.870
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.896.902.350	32.594.690.734
	65.860.531.119	34.600.740.604

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.011.575.963	-	2.805.692.482	-
	3.011.575.963	-	2.805.692.482	-

Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 có giá trị 3.011.575.963 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,3%/năm.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	17.466.122.442	-	27.466.122.442	-
Công ty Điện Lực Hà Nam - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	9.899.070.246	-	32.223.377.752	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Việt Hà Nội	19.843.152.480	-	1.354.293.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	20.903.865.342	-	4.916.393.582	-
Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam (i)	10.170.974.558	-	10.170.974.558	-
Các khách hàng khác	137.867.476.079	1.143.628.148	138.523.808.295	-
	216.150.661.147	1.143.628.148	214.654.969.629	-

b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	206.379.686.589	-	204.483.995.071	-
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	9.770.974.558	-	10.170.974.558	-
	<u>216.150.661.147</u>	<u>-</u>	<u>214.654.969.629</u>	<u>-</u>

(i) Theo Hợp đồng 03/2020/HĐXL/HP-TS ngày 01/08/2020, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/01/2022 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 25/12/2023, Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ được quy định cụ thể theo phụ lục hoặc theo tiến độ mà thầu chính được chủ đầu tư thanh toán, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Chi tiết lịch thanh toán theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng được quy định cụ thể như sau:

	Nợ đến hạn
	VND
Năm 2024	400.000.000
Năm 2025	1.200.000.000
Năm 2026	3.200.000.000
Năm 2027	5.370.974.558
	<u>10.170.974.558</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ngãi Cầu	1.443.539.760	-	1.282.948.011	-
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Việt Nam	-	-	2.150.902.490	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	6.705.199.487	-	27.078.876	-
Công ty Cổ phần GVI	4.471.089.168	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.862.622.845	-	1.755.395.961	-
	<u>14.482.451.260</u>	<u>-</u>	<u>5.216.325.338</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	60.272.100	-	15.000.000	-
Phải thu khác	-	-	3.146.328.550	-
Tiền giải phóng mặt bằng (*)	-	-	3.016.920.000	-
Các khoản khác	-	-	129.408.550	-
	60.272.100	-	3.161.328.550	-

(*) Đây là khoản tiền giải phóng mặt bằng các lô đất của Công ty thuộc Khu công nghiệp trả cho Ban quản lý các khu công nghiệp và sau đó được trừ vào tiền thuê đất hàng năm của Công ty.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.931.040.815	787.412.667	568.990.480	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Việt	492.488.510	246.244.255	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng SAS	838.949.825	419.474.912	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp ALPHA	243.387.000	121.693.500	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18	283.780.000	-	283.780.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện lực và Hạ tầng Đông Nam Á	-	-	212.775.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh	72.435.480	-	72.435.480	-
	1.931.040.815	787.412.667	568.990.480	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.026.928.507	-	38.613.221.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.098.111.617	-	21.100.654.878	-
Thành phẩm	32.350.505.197	-	39.824.415.972	-
	<u>92.475.545.321</u>	<u>-</u>	<u>99.538.292.432</u>	<u>-</u>

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn (i)	31.803.307.240	31.476.813.706
- Xây dựng Trung tâm thương mại Trường Sơn - Khu A	11.469.043.741	11.469.043.741
- Xây dựng Trung tâm thương mại Trường Sơn - Khu B1	17.301.815.750	17.301.815.750
- Xây dựng Trung tâm thương mại Trường Sơn - Khu B2	3.032.447.749	2.705.954.215
Cải tạo và sửa chữa nhà điều hành sản xuất (ii)	545.032.723	-
- Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất xuất cốt, cọc bê tông dự ứng lực"	545.032.723	-
	<u>32.348.339.963</u>	<u>31.476.813.706</u>

(i) Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và Tổng hợp Trường Sơn;
- Địa điểm: Xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp cung cấp dịch vụ nhà hàng và showroom trưng bày ô tô phục vụ khoảng 25:000 lượt khách/năm, giao dịch khoảng 150 chiếc xe ô tô cũ và mới/năm nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ ăn uống, phương tiện đi lại cho khách hàng du lịch và nhân dân trong khu vực. Góp phần tăng lợi nhuận cho Doanh nghiệp, nguồn thu cho ngân sách địa phương, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế - xã hội;
- Tổng vốn đầu tư dự án: 71.425.000.000 đồng;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Dự án đang ở giai đoạn 2 thực hiện xây dựng đóng cọc bê tông móng, đạt 10% so với kế hoạch. Công trình được đề xuất gia hạn đưa vào sử dụng 24 tháng kể từ ngày có Quyết định gia hạn đưa đất vào sử dụng của UBND tỉnh Hà Nam theo tờ trình số 438/TTr-STN&MT ngày 20/10/2023 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam.

(ii) Hạng mục "Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất xuất cốt, cọc bê tông dự ứng lực"":

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà máy sản xuất cốt, cọc bê tông dự ứng lực;
- Tên hạng mục: Xây dựng bể xử lý nước thải;
- Địa điểm: Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Tổng vốn đầu tư hạng mục: 518.723.787 đồng;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Hạng mục đã hoàn thành, tuy nhiên, Công an tỉnh chưa cấp giấy phép. Sau khi được cấp giấy phép, dự án sẽ được đưa vào hoạt động.

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	119.057.926.206	119.946.571.954	45.099.418.386	966.299.727	285.070.216.273
- Mua trong năm	-	5.755.230.000	-	-	5.755.230.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.328.753.610	-	-	-	5.328.753.610
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.647.578.037)	(307.422.381)	-	(5.955.000.418)
Số dư cuối năm	124.386.679.816	120.054.223.917	44.791.996.005	966.299.727	290.199.199.465
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.560.792.603	44.512.174.465	22.136.411.591	700.747.439	117.910.126.098
- Khấu hao trong năm	6.669.403.594	10.775.157.039	3.400.048.044	80.848.404	20.925.457.081
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.500.686.379)	(307.422.381)	-	(5.808.108.760)
Số dư cuối năm	57.230.196.197	49.786.645.125	25.229.037.254	781.595.843	133.027.474.419
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	68.497.133.603	75.434.397.489	22.963.006.795	265.552.288	167.160.090.175
Tại ngày cuối năm	67.156.483.619	70.267.578.792	19.562.958.751	184.703.884	157.171.725.046

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

- Giá trị còn lại đầu năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

63.822.556.406 VND
47.037.936.331 VND
73.477.377.410 VND
44.292.079.570 VND



12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	138.456.504	639.619.866
Chi phí sửa chữa, cải tạo	55.000.000	226.434.666
Chi phí xây dựng hạ tầng	4.385.414.100	1.491.840.000
	<u>4.578.870.604</u>	<u>2.357.894.532</u>

13 . VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	83.294.418.031	83.294.418.031	230.811.827.257	221.600.855.722	92.505.389.566	92.505.389.566
Bà Nguyễn Thị Quyết (1)	-	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-
Ông Nguyễn Duy Khánh (1)	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
Bà Hoàng Thị Kim Thoa (1)	-	-	3.900.000.000	3.900.000.000	-	-
Ông Đặng Văn Thuyết (1)	-	-	3.650.000.000	3.650.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	27.713.999.646	27.713.999.646	101.709.457.000	76.004.593.391	53.418.863.255	53.418.863.255
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (3)	36.179.892.953	36.179.892.953	81.198.187.155	94.261.371.413	23.116.708.695	23.116.708.695
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (4)	19.400.525.432	19.400.525.432	35.454.183.102	38.884.890.918	15.969.817.616	15.969.817.616
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.703.937.184	6.703.937.184	6.012.627.572	6.303.937.184	6.412.627.572	6.412.627.572
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (5)	5.103.937.184	5.103.937.184	4.812.627.572	5.103.937.184	4.812.627.572	4.812.627.572
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (6)	1.600.000.000	1.600.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
	89.998.355.215	89.998.355.215	236.824.454.829	227.904.792.906	98.918.017.138	98.918.017.138

b) Vay dài hạn							
<i>Vay dài hạn</i>							
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (5)</i>	21.715.025.071	17.315.025.071	21.715.025.071	-	6.303.937.184	15.411.087.887	15.411.087.887
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam</i>	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	-	5.103.937.184	12.211.087.887	12.211.087.887
<i>(6)</i>					1.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
	21.715.025.071	21.715.025.071	21.715.025.071	-	6.303.937.184	15.411.087.887	15.411.087.887
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.703.937.184)	(6.703.937.184)	(6.703.937.184)	(6.012.627.572)	(6.303.937.184)	(6.412.627.572)	(6.412.627.572)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	15.011.087.887	15.011.087.887	15.011.087.887			8.998.460.315	8.998.460.315

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Theo các hợp đồng vay với cán bộ công nhân viên công ty với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: Theo hợp đồng vay cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 03 tháng;
- Lãi suất vay: 0%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 0 đồng.

(2) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 9 năm 2022, gia hạn bằng hợp đồng tín dụng 01/2023/3586897/HĐTD ngày 12 tháng 9 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng thường xuyên: 200.000.000.000 đồng;
- Hạn mức cho vay bảo lãnh thanh toán và phát hành L/C: Tối đa 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

- Phương thức bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (bên nhận thế chấp), hợp đồng thế chấp số 01/2020/3586897/HĐBĐ, 02/2020/3586897/HĐBĐ ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam và tài sản thế chấp của bên thứ ba;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 53.418.863.255 đồng.

(3) Theo hợp đồng tín dụng số 31180.22.770.2145251.TD ngày 29 tháng 6 năm 2022, gia hạn bởi hợp đồng tín dụng số 151325.23.770.2145251.TD ngày 28 tháng 7 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình, sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 1904/19/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019, 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019, HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019, HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019, YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021, 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021; bằng hóa và quyền đòi nợ theo hợp đồng số 56/2020/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 17/04/2020, 279/21/DT/XL/TS-BG ngày 02/12/2021, 80/2021/HĐXL-PCHN ngày 17/12/2021, 28/2022 ngày 23/03/2022, 127/HĐ-BDALĐ-TS ngày 21/04/2020, 268/06/2020/HĐXD-PCTH ngày 08/06/2020, 237/20/DT/XL/TS-BG ngày 14/10/2020, 62/EVNHANOIDPBM/ADB-HNPC-CM-W01 ngày 28/09/2020, 43/2020/HĐ-EVN HANOI PMB ngày 14/08/2020, 64/2021/HĐXL-PCLS ngày 20/08/2021, 01/PCVP-XLKFW3.2-2021 ngày 24/09/2021, 136.211/NPTPMB-TSAIT ngày 01/10/2021, 320/2021/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 14/12/2021, 189.211/NPTPMB-TS-AI ngày 28/12/2021;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 23.116.708.695 đồng.

(4) Theo hợp đồng tín dụng số 331/22/HĐCTD/NQ71 ngày 29 tháng 9 năm 2022, gia hạn bởi hợp đồng tín dụng số 23/23/HĐCTD/HNA ngày 31 tháng 10 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 328/20/HĐTC/XJ50 ký ngày 09/09/2020 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huệ; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 365/22/HĐTC/NQ71 ký ngày 26 tháng 09 năm 2022 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 198/234DTC/HNA ký ngày 31/10/2023;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 15.969.817.616 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 21175.19.770.2145251.TD ngày 10 tháng 6 năm 2019 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 66.560.846.660 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ trung dài hạn thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ dự án đầu tư mở rộng "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền MMTB mới 100% thuộc dự án "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn và các phụ lục đính kèm; Bất động sản theo Giấy CN QSDĐ số CR160619 do Sở TN và MT tỉnh Hà Nam cấp ngày 15/03/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 11.560.284.499 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 4.161.824.184 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 37664.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 7 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 1.541.862.224 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ trung hạn thanh toán chi phí mua thiết bị khuôn cọc, bộ đồ gá theo Hợp đồng số YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Yogiart International Limited;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng số 190419/HDKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong; Trạm trộn bê tông HKT90, công suất 90m³/h theo hợp đồng số 2204/2019/HDKT/HKT ngày 22/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Cơ khí Thiết bị và Công nghệ HKT; Hệ thống dây chuyền sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn; Hệ thống lò hơi tăng sơ công suất 4 tấn/giờ theo hợp đồng số HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Dịch vụ Nội hơi Bảo Ngọc;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 380.628.448 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 380.628.448 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 48488.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 9 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 1.252.790.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí mua máy móc thiết bị theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Máy móc thiết bị là 01 máy hàn lồng thép cột điện và 01 máy cắt thép đồng bộ máy hàn lồng thép theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 270.174.940 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 270.174.940 đồng.

(6) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 8.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Cho vay đầu tư Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần vào ngày ngày đầu tiên của tháng 1 và tháng 7 hàng năm, lãi suất từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là 8,4%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017, 02/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017 giữa ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huệ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 19/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng số 01/2021/3586897/HĐBĐ ngày 13/04/2021;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 3.200.000.000 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 1.200.000.000 đồng.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	5.914.218.167	5.914.218.167	9.561.907.456	9.561.907.456
Công ty TNHH Duyên Hà	6.825.930.491	6.825.930.491	8.768.125.560	8.768.125.560
Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	2.368.133.822	2.368.133.822	7.171.190.892	7.171.190.892
Các nhà cung cấp khác	38.475.281.539	38.475.281.539	48.809.009.939	48.809.009.939
	53.583.564.019	53.583.564.019	74.310.233.847	74.310.233.847

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	-	1.910.710.133
Ban Quản lý Dự án Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	7.396.132.544	1.276.711.296
Công ty Điện Lực Phú Thọ - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	4.524.108.249
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH	13.487.369.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	21.692.492.885	-
Các khách hàng khác	3.050.000.000	964.573.011
	45.625.994.429	8.676.102.689

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	246.041.324	-	2.677.125.569	228.370.635	-	2.202.713.610
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	31.992.975	31.992.975	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.054.562.811	2,996,244,702	1,276,296,658	-	2,774,510,855
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	314,796,566	312,955,455	-	1,841,111
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	413,403,396	638,688,336	225,284,940	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
	246.041.324	1.054.562.811	6.436.563.208	2.491.304.059	225.284.940	4.979.065.576

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	240.418.658	-
	240.418.658	-

18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.685.620.905
Phải trả về hợp tác kinh doanh tại Khu công nghiệp Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Quảng Bình	-	7.500.000.000
	-	9.185.620.905

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	9.940.862.180	359.940.862.180
Lãi trong năm trước	-	3.110.518.576	3.110.518.576
Thù lao HĐQT, BKS	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm trước	350.000.000.000	12.951.380.756	362.951.380.756
Lãi trong năm nay	-	10.018.961.028	10.018.961.028
Thù lao HĐQT, BKS	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Số dư cuối năm nay	350.000.000.000	22.862.341.784	372.862.341.784

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Trường	70.000.000.000	20,00	332.500.000.000	95,00
Bà Hoàng Kim Huế	35.000.000.000	10,00	-	-
Bà Nguyễn Diệu Linh	17.500.000.000	5,00	-	-
Các cổ đông khác	227.500.000.000	65,00	17.500.000.000	5,00
	350.000.000.000	100	350.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	350.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	350.000.000.000	350.000.000.000
d) Cổ phiếu		
	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.000.000	35.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.000.000	35.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	197.761.151.871	224.950.077.459
Doanh thu xây lắp	171.870.096.556	245.194.246.952
	369.631.248.427	470.144.324.411
21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	74.693.898	-
Hàng bán bị trả lại	341.664.300	524.070.200
	416.358.198	524.070.200
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	166.625.825.755	193.889.198.555
Giá vốn hoạt động xây lắp	159.320.615.569	231.560.074.580
	325.946.441.324	425.449.273.135

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	284.073.163	133.294.060
	284.073.163	133.294.060

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.276.680.434	9.166.203.222
	9.276.680.434	9.166.203.222

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.002.273	137.847.554
Chi phí nhân công	4.612.635.788	8.060.492.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.444.087.697	1.547.947.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.583.099	155.224.072
Chi phí khác bằng tiền	1.856.621.686	1.893.881.474
	8.133.930.543	11.795.393.589

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.157.710.588	2.291.800.507
Chi phí nhân công	6.413.356.942	10.183.823.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.607.738.791	1.594.870.084
Thuế, phí và lệ phí	416.403.396	513.962.280
Chi phí dự phòng	574.637.668	141.890.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.678.888.000	2.147.320.593
Chi phí khác bằng tiền	1.206.447.639	2.214.888.500
	13.055.183.024	19.088.555.546

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	410.840.342	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	-	44.000.000
Các khoản thu nhập khác	3.843.540	3.974.747
	414.683.882	47.974.747

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	425.544.179	41.410.772
Xử lý công nợ tồn đọng	60.662.040	1.693.449
	486.206.219	43.104.221

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.015.205.730	4.258.993.305
Các khoản điều chỉnh tăng	857.348.546	1.013.820.748
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	348.194.179	41.410.772
- Khấu hao TSCĐ vượt ngưỡng nguyên giá	509.154.367	502.850.388
- Các khoản khác	-	469.559.588
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.872.554.276	5.272.814.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.774.510.855	1.054.562.811
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	221.733.847	93.911.918
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.054.562.811	1.260.242.015
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.276.296.658)	(1.354.153.933)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	2.774.510.855	1.054.562.811

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.018.961.028	3.110.518.576
Các khoản điều chỉnh:	(108.000.000)	(100.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS	(108.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.910.961.028	3.010.518.576
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	283	86

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

31 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.018.961.028	3.110.518.576
Các khoản điều chỉnh:	(108.000.000)	(100.000.000)
- Thuế lao HĐQT, BKS	(108.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.910.961.028	3.010.518.576
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	35.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	3.500.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	257	86

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 06/NQ-TS ngày 05 tháng 01 năm 2024, Công ty dự kiến phát hành thêm 3.500.000 cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ chào bán 10%), thời gian thực hiện trong quý II - III năm 2024.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.659.621.620	348.822.546.418
Chi phí nhân công	36.656.139.145	46.087.945.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.925.457.081	20.562.061.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.315.198.932	11.099.586.901
Chi phí khác bằng tiền	5.744.649.739	7.441.537.124
	322.301.066.517	434.013.678.256

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2023

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Tổng chi phí mua tài sản cố định

Năm 2022

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Tổng chi phí mua tài sản cố định

	Xây lắp VND	Bán hàng VND	Hoạt động không phân bộ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
	171.795.402.658	197.419.487.571	-	369.214.890.229
	-	-	-	-
	<u>12.474.787.089</u>	<u>30.793.661.816</u>	-	<u>43.268.448.905</u>
	-	-	11.083.983.610	11.083.983.610
	245.194.246.952	224.426.007.259	-	469.620.254.211
	-	-	-	-
	<u>13.634.172.372</u>	<u>30.536.808.704</u>	-	<u>44.170.981.076</u>
	-	351.531.919	4.181.933.432	4.533.465.351

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B09-DN

Tại ngày 31/12/2023

Tài sản bộ phận

Tài sản không phân bổ

Tổng tài sản

Nợ phải trả của các bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ

Tổng nợ phải trả**Tại ngày 01/01/2023**

Tài sản bộ phận

Tài sản không phân bổ

Tổng tài sản

Nợ phải trả của các bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ

Tổng nợ phải trả

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bổ trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

	134.599.862.025	200.134.006.476	-	334.733.868.501
	-	-	250.487.760.814	250.487.760.814
	134.599.862.025	200.134.006.476	250.487.760.814	585.221.629.315
	77.470.947.606	36.259.496.844	-	113.730.444.450
	-	-	98.628.843.081	98.628.843.081
	77.470.947.606	36.259.496.844	98.628.843.081	212.359.287.531
	139.892.667.803	193.930.679.317	-	333.823.347.120
	-	-	227.377.764.386	227.377.764.386
	139.892.667.803	193.930.679.317	227.377.764.386	561.201.111.506
	58.021.740.133	45.916.864.572	-	103.938.604.705
	-	-	94.311.126.045	94.311.126.045
	58.021.740.133	45.916.864.572	94.311.126.045	198.249.730.750

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 13).

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay		9.850.000.000	-
- Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	3.650.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Quyết	Thành viên gia đình Chủ tịch HĐQT	2.300.000.000	-
- Bà Hoàng Thị Kim Thoa	Thành viên gia đình Chủ tịch HĐQT	3.900.000.000	-
Trả nợ gốc vay		9.850.000.000	26.400.000.000
- Ông Đặng Văn Thuyết	Phó Tổng giám đốc	3.650.000.000	5.600.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Chính	Phó Tổng giám đốc	-	2.600.000.000
- Bà Nguyễn Thị Quyết	Thành viên gia đình Chủ tịch HĐQT	2.300.000.000	1.800.000.000
- Bà Hoàng Thị Kim Thoa	Thành viên gia đình Chủ tịch HĐQT	3.900.000.000	5.700.000.000
- Ông Hoàng Quang Thung	Thành viên gia đình Chủ tịch HĐQT	-	10.700.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Lương, thưởng và thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch	178.524.000	98.382.885
2	Ông Đoàn Văn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	156.420.600	113.683.800
3	Ông Đặng Trần Thành	Thành viên HĐQT	12.000.000	8.000.000
4	Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	155.667.400	117.683.800
5	Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	155.667.400	117.683.800
6	Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	143.667.400	105.683.800
7	Bà Đặng Thị Chinh	Kế toán trưởng	133.963.000	100.253.077
8	Bà Chu Hải Yến	Trưởng BKS	62.159.200	51.151.658
9	Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	69.142.400	68.541.423
10	Ông Nguyễn Văn Thoá	Thành viên BKS	81.155.200	75.820.854
Tổng			1.148.366.600	856.885.097

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH PFK Việt Nam kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng



Đặng Thị Chinh

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2024



Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Thành

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 05-11-2024
Số chứng thực: 07. Quyền sở: 0.SCT/BS -



CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

* M C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.609.746.868	381.351.719.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.339.347.481	65.860.531.119
1. Tiền	111		14.995.357.086	65.860.531.119
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.343.990.395	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	3.042.636.995	3.011.575.963
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.042.636.995	3.011.575.963
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		221.118.960.859	219.778.781.801
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	196.410.214.156	206.379.686.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	19.884.787.518	14.482.451.260
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4.	6.755.000.000	60.272.100
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(1.931.040.815)	(1.143.628.148)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5.	130.347.113.778	92.475.545.321
1. Hàng tồn kho	141		130.347.113.778	92.475.545.321
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.761.687.755	225.284.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.673.130.952	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	5.14	1.088.556.803	225.284.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		196.145.200.700	203.869.910.171
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.770.974.558	9.770.974.558
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		9.770.974.558	9.770.974.558
II. Tài sản cố định	220		144.105.240.955	157.171.725.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10.	144.105.240.955	157.171.725.046
- Nguyên giá	222		291.879.352.759	290.199.199.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.774.111.804)	(133.027.474.419)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7.	37.499.906.259	32.348.339.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37.499.906.259	32.348.339.963
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9.	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.769.078.928	4.578.870.604
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.	4.769.078.928	4.578.870.604
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		586.754.947.568	585.221.629.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		203.664.564.300	212.359.287.531
I. Nợ ngắn hạn	310		197.547.016.077	203.360.827.216
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.	62.714.876.440	53.583.564.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13.	79.863.607.630	45.625.994.429
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14.	1.628.614.586	4.979.065.576
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15.	-	240.418.658
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.	256.495.070	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11.	53.069.654.955	98.918.017.138
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.767.396	13.767.396
II. Nợ dài hạn	330		6.117.548.223	8.998.460.315
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11.	6.117.548.223	8.998.460.315
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		383.090.383.268	372.862.341.784
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.	383.090.383.268	372.862.341.784
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		33.090.383.268	22.862.341.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.862.341.784	12.951.380.756
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.228.041.484	9.910.961.028
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		586.754.947.568	585.221.629.315

Hà Nam, ngày 18 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày... tháng... năm 2024





Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Chính

Đoàn Văn Thành



TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	107.741.355.468	43.028.098.709	337.270.355.320	144.702.923.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		337.988.906	120.299.260	523.774.185	352.796.647
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.403.366.562	42.907.799.449	336.746.581.135	144.350.126.553
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	98.097.048.037	36.232.676.223	302.545.401.414	124.637.555.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.306.318.525	6.675.123.226	34.201.179.721	19.712.570.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	134.103.600	1.773.052	344.671.814	124.889.736
7. Chi phí tài chính	22	6.4	963.783.954	2.195.363.808	3.979.174.034	6.514.401.027
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		963.783.954	2.195.363.808	3.979.174.034	6.514.401.027
8. Chi phí bán hàng	25		1.219.962.881	1.739.412.495	4.703.021.509	4.508.260.756
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.420.332.217	2.272.836.205	13.028.134.545	7.689.934.510
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.836.343.073	469.283.770	12.835.521.447	1.124.864.073
11. Thu nhập khác	31		254.545.488	105.014	255.827.188	247.816.343
12. Chi phí khác	32	6.5	15.584.957	1.989.162	48.413.965	6.931.156
13. Lợi nhuận khác	40		238.960.531	(1.884.148)	207.413.223	240.885.187
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.075.303.604	467.399.622	13.042.934.670	1.365.749.260
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	841.720.569	119.020.276	2.688.893.186	349.926.069
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.233.583.035	348.379.346	10.354.041.484	1.015.823.191
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		92,39	9,95	295,83	29,02
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		92,39	9,95	295,83	29,02

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Chinh

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: 6 tháng 10 năm 2024



Hà Nam, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.042.934.670	1.365.749.260
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.420.428.294	15.580.762.725
- Các khoản dự phòng	03		787.412.667	-
- (Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(599.217.269)	(339.570.078)
- Chi phí lãi vay	06		3.979.174.034	6.514.401.027
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.630.732.396	23.121.342.934
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.284.482.516	58.325.848.423
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.082.012.012)	(84.322.359.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể				
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp	11		38.751.490.977	(25.151.497.443)
phải nộp)				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(190.208.324)	(2.403.191.612)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.071.584.960)	(6.206.083.214)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.124.510.855)	(1.054.562.811)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(84.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.114.389.738	(37.690.503.131)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.474.455.338)	(10.449.450.653)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		254.545.455	181.572.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.061.032)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		344.671.814	124.889.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.906.299.101)	(10.142.988.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		110.932.237.637	162.253.575.823
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(159.661.511.912)	(143.030.567.029)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.729.274.275)	19.223.008.794
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33.521.183.638)	(28.610.483.254)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		65.860.531.119	34.600.740.604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		32.339.347.481	5.990.257.350

Hà Nam, ngày 18 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Chính

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Thành

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 08 tháng 11 năm 2024TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Thành

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 11 năm 2023 là 350.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng*).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình điện đến 500KV);

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Phá dỡ;

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;

Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, mua bán kính xây dựng, sơn, véc ni, vật tư thiết bị ngành nước, mua bán tre nứa, gỗ cầu và gỗ chế biến, mua bán đồ ngũ kim.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Chi tiết: Mua bán sắt thép.

- Đại lý, môi giới, đấu giá.

Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa (trừ thực hiện quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối);

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Chi tiết: Sản xuất bê tông trộn sẵn, tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Chi tiết: Sản xuất vật liệu từ đất, sản xuất gạch bằng lò tuynel...

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh khách sạn.

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2024**

Mẫu số B09A-DN

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất giày dép;
- Đầu tư và kinh doanh điện năng; đầu tư và kinh doanh khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái; tôi thép, mạ kim loại; sản xuất và kinh doanh thiết bị, vật tư ngành điện, composite; kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2024**

Mẫu số B09A-DN

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn.

4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng của pháp luật.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2024**

Mẫu số B09A-DN

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-15 năm
- Thiết bị văn phòng	03-07 năm

4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

4.10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong năm của Công ty.

4.14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm, đảm bảo:

- Nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn;
- Đảm bảo nguyên tắc thận trọng, ghi nhận ngay các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho;

4.15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.17. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ hoạt động xây lắp và bán hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT là 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác theo luật quy định.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2024**

Mẫu số B09A-DN

30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 8.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2024	01/01/2024
Tiền mặt	5.673.370.988	4.963.628.769
Tiền gửi ngân hàng	9.321.986.098	60.896.902.350
Các khoản tương đương tiền (*)	17.343.990.395	-
Cộng	32.339.347.481	65.860.531.119

5.2. Phải thu khách hàng

	30/09/2024	01/01/2024
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	196.410.214.156	206.379.686.589
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm tỷ trọng lớn trên tổng khoản phải thu)	43.789.519.195	68.512.210.510
- Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	14.466.122.442	17.466.122.442
- Công ty Điện Lực Hà Nam-Chỉ nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	8.928.050.691	9.899.070.246
- Công ty Cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	17.843.152.480	19.843.152.480
- Công ty CP Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.252.193.582	20.903.865.342
- Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	300.000.000	400.000.000
Phải thu khách hàng khác	152.620.694.961	137.867.476.079
Cộng	196.410.214.156	206.379.686.589
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
- Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	9.770.974.558	9.770.974.558
Cộng	9.770.974.558	9.770.974.558
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
- Công ty cổ phần giải pháp dịch vụ Trường Việt	1.560.482.527	111.387.960
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Ngãi Cầu	2.565.896.022	1.443.539.760
- Công ty cổ phần cơ điện Đại Dũng	6.377.900.933	6.705.199.487
- Công ty cổ phần GVI	-	4.471.089.168
- Các công ty khác	9.380.508.036	1.751.234.885
Cộng	19.884.787.518	14.482.451.260

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5.4. Phải thu khác

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.755.000.000	-	60.272.100	-
- Phải thu khác	450.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	6.300.000.000	-	-	-
Chi tiết:				
+ Lê Hải Thanh	2.000.000.000	-	-	-
+ Ngô Mạnh Hùng	200.000.000	-	-	-
+ Trần Gia Tuấn	900.000.000	-	-	-
+ Trương Xuân Đoán	1.150.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng tạm ứng khác	2.050.000.000	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	60.272.100	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.755.000.000		60.272.100	

5.5. Hàng tồn kho

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	22.543.223.245	-	33.026.928.507	-
Chi phí SXKD dở dang	85.672.431.127	-	27.098.111.617	-
Thành phẩm nhập kho	22.098.001.906	-	32.350.505.197	-
Hàng hóa	33.457.500	-	-	-
Cộng	130.347.113.778		92.475.545.321	

5.6. Chi phí trả trước

	30/09/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	4.769.078.928	4.578.870.604
Chi phí sửa chữa tài sản	290.938.890	55.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	195.315.363	138.456.504
Chi phí xây dựng hạ tầng	4.282.824.675	4.385.414.100
Cộng	4.769.078.928	4.578.870.604

5.7. Tài sản dở dang dài hạn

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2024	01/01/2024
Xây dựng cơ bản	37.499.906.259	32.348.339.963
Xây dựng Trung tâm TM & TH Trường Sơn	31.803.307.240	31.803.307.240
Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực"	545.032.723	545.032.723
Hạng mục: Đường nội bộ + bãi chứa cột xường 1 + xường 2	1.556.394.146	-
Hạng mục: Cải tạo và sửa chữa xường cọc	3.595.172.150	-
Cộng	37.499.906.259	32.348.339.963

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính : VND

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
- Các khoản phải thu ngắn hạn	1.931.040.815	-	(1.931.040.815)	1.931.040.815
+ Công ty cổ phần đầu tư Đức Việt	492.488.510	-	(492.488.510)	492.488.510
+ Công ty cổ phần xây dựng SAS	838.949.825	-	(838.949.825)	838.949.825
+ Công ty cổ phần xây lắp ALPHA	243.387.000	-	(243.387.000)	243.387.000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18	283.780.000	-	(283.780.000)	283.780.000
+ Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh	72.435.480	-	(72.435.480)	72.435.480
Cộng	1.931.040.815	-	(1.931.040.815)	1.931.040.815
				787.412.667
				(1.143.628.148)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

5.9. Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2024		01/01/2024		Đơn vị tính : VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.042.636.995	3.042.636.995	-	3.011.575.963	3.011.575.963
Tiền gửi có kỳ hạn	3.042.636.995	3.042.636.995	-	3.011.575.963	3.011.575.963
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-
Cộng	3.042.636.995	3.042.636.995	-	3.011.575.963	3.011.575.963

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	124.386.679.816	120.054.223.917	44.791.996.005	966.299.727	290.199.199.465
Tăng trong kỳ	-	1.368.944.839	375.996.364	609.003.000	2.353.944.203
- Mua trong kỳ	-	1.368.944.839	375.996.364	609.003.000	2.353.944.203
Giảm trong kỳ	-	-	673.790.909	-	673.790.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	673.790.909	-	673.790.909
Số dư cuối kỳ	124.386.679.816	121.423.168.756	44.494.201.460	1.575.302.727	291.879.352.759
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	57.230.196.197	49.786.645.125	25.229.037.254	781.595.843	133.027.474.419
Tăng trong kỳ	5.194.002.528	8.236.585.858	1.934.948.359	54.891.549	15.420.428.294
- Số khấu hao trong kỳ	5.194.002.528	8.236.585.858	1.934.948.359	54.891.549	15.420.428.294
Giảm trong kỳ	-	-	673.790.909	-	673.790.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	673.790.909	-	673.790.909
Số dư cuối kỳ	62.424.198.725	58.023.230.983	26.490.194.704	836.487.392	147.774.111.804
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	67.156.483.619	70.267.578.792	19.562.958.751	184.703.884	157.171.725.046
2. Tại ngày cuối kỳ	61.962.481.091	63.399.937.773	18.004.006.756	738.815.335	144.105.240.955

- Giá trị còn lại của Tài sản thế chấp cầm cố:

102.435.875.452 VND

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:

51.815.986.785 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ		Giá trị
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng VND	53.069.654.955	53.069.654.955	113.813.149.729	159.661.511.912	98.918.017.138	98.918.017.138
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (1)	48.748.286.817	48.748.286.817	110.932.237.637	154.689.340.386	92.505.389.566	92.505.389.566
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (2)	16.336.885.289	16.336.885.289	34.302.211.884	71.384.189.850	53.418.863.255	53.418.863.255
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	14.933.172.620	14.933.172.620	50.517.585.100	58.701.121.175	23.116.708.695	23.116.708.695
Vay dài hạn đến hạn trả	4.321.368.138	4.321.368.138	2.880.912.092	4.972.171.526	6.412.627.572	6.412.627.572
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	3.121.368.138	3.121.368.138	2.080.912.092	3.772.171.526	4.812.627.572	4.812.627.572
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	1.200.000.000	1.200.000.000	800.000.000	1.200.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
b) Vay dài hạn	6.117.548.223	6.117.548.223	-	2.880.912.092	8.998.460.315	8.998.460.315
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	5.317.548.223	5.317.548.223	-	2.080.912.092	7.398.460.315	7.398.460.315
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Cộng	59.187.203.178	59.187.203.178	113.813.149.729	162.542.424.004	107.916.477.453	107.916.477.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Theo các hợp đồng vay với cán bộ công nhân viên công ty với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: Theo hợp đồng vay cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 03 tháng;
- Lãi suất vay: 0%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 0 đồng.

(2) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 9 năm 2022, gia hạn bằng hợp đồng tín dụng 01/2023/3586897/HĐTD ngày 12 tháng 9 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng thường xuyên: 200.000.000.000 đồng;
- Hạn mức cho vay bảo lãnh thanh toán và phát hành L/C: Tối đa 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (bên nhận thế chấp), hợp đồng thế chấp số 01/2020/3586897/HĐBĐ, 02/2020/3586897/HĐBĐ ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam và tài sản thế chấp của bên thứ ba.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 53.418.863.255 đồng.

(3) Theo hợp đồng tín dụng số 31180.22.770.2145251.TD ngày 29 tháng 6 năm 2022, gia hạn bởi hợp đồng tín dụng số 151325.23.770.2145251.TD ngày 28 tháng 7 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng công trình, sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng kinh tế số 190419/HĐKTT/TS-ĐP ngày 19/04/2019, 2204/2019/HĐKTT/HKT ngày 22/04/2019, HĐKTT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019, HĐKTT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019, YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021, 02.21TS/HĐKTT/ĐP ngày 25/06/2021; hàng hóa và quyền đòi nợ theo hợp đồng số 56/2020/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 17/04/2020, 279/21/DT/XL/TS-BG ngày 02/12/2021, 80/2021/HĐXL-PCHN ngày 17/12/2021, 28/2022 ngày 23/03/2022, 127/HĐ-BDALĐ-TS ngày 21/04/2020, 268/06/2020/HĐXD-PCTH ngày 08/06/2020, 237/20/DT/XL/TS-BG ngày 14/10/2020, 62/EVNHANOIDPBM/ADB-HNPC-CM-W01 ngày 28/09/2020, 43/2020/HĐ-EVN HANOI PMB ngày 14/08/2020, 64/2021/HĐXL-PCLS ngày 20/08/2021, 01/PCVP-XLKFV3.2-2021 ngày 24/09/2021, 136.211/NPTPMB-TSAIT ngày 01/10/2021, 320/2021/HĐTCXD-BDADL-KHVT ngày 14/12/2021, 189.211/NPTPMB-TS-AI ngày 28/12/2021.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 23.116.708.695 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

- (4) Theo hợp đồng tín dụng số 331/22/HĐCĐT/NQ71 ngày 29 tháng 9 năm 2022, giữa hạn bởi hợp đồng tín dụng số 23/23/HĐCĐT/HNA ngày 31 tháng 10 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:
 - Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 328/20/HĐTC/XJ50 ký ngày 09/09/2020 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huệ; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 365/22/HĐTC/NQ71 ký ngày 26 tháng 09 năm 2022 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và ông Nguyễn Văn Trường; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 198/234ĐTC/HNA ký ngày 31/10/2023;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 15.969.817.616 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (5) Theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 21175.19.770.2145251.TD ngày 10 tháng 6 năm 2019 gồm các điều khoản chi tiết như sau:
 - Hạn mức vay: 66.560.846.660 đồng;
 - Mục đích vay: Tài trợ trung dài hạn thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ dự án đầu tư mở rộng "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam;
 - Thời hạn cho vay: Tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền MMTB mới 100% thuộc dự án "Nhà máy sản xuất cột điện, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực" tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-10042019 ngày 10/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn và các phụ lục đính kèm; Bất động sản theo Giấy CN QSDĐ số CR160619 do Sở TN và MT tỉnh Hà Nam cấp ngày 15/03/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 11.560.284.499 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 4.161.824.184 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 37664.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 7 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:
 - Hạn mức vay: 1.541.862.224 đồng;
 - Mục đích vay: Tài trợ trung hạn thanh toán chi phí mua thiết bị khuôn cọc, bộ đồ gá theo Hợp đồng số YJT-JM2021-61 ngày 14/04/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Yogiant International Limited;
 - Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

- Phương thức bảo đảm: Hệ thống máy móc thiết bị theo hợp đồng số 190419/HĐKT/TS-ĐP ngày 19/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong; Trạm trộn bê tông HKT90, công suất 90m³/h theo hợp đồng số 2204/2019/HĐKT/HKT ngày 22/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Cơ khí Thiết bị và Công nghệ HKT; Hệ thống dây chuyền sản xuất cọc bê tông ty tâm dự ứng lực theo hợp đồng số HDKT/HP-TS-1004/2019 ngày 10/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Phát Lạng Sơn; Hệ thống lò hơi tăng sôi công suất 4 tấn/giờ theo hợp đồng số HDKT/BNC&TS-768/2019 ngày 26/04/2019 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty TNHH Dịch vụ Nội hơi Bảo Ngọc;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 380.628.448 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 380.628.448 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 48488.21.770.2145251.TD ngày 07 tháng 9 năm 2021 gồm các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: 1.252.790.000 đồng;
 - Mục đích vay: Thanh toán một phần chi phí mua máy móc thiết bị theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong;
 - Thời hạn cho vay: Tối đa 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất vay: Được quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - Phương thức bảo đảm: Máy móc thiết bị là 01 máy hàn lồng thép cột điện và 01 máy cắt thép đồng bộ máy hàn lồng thép theo hợp đồng số 02.21TS/HĐKT/ĐP ngày 25/06/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Công ty Cổ phần Công nghệ Địa Phong;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 270.174.940 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 270.174.940 đồng.
- (6) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/3586897/HĐTD ngày 14 tháng 4 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức vay: 8.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Cho vay đầu tư Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn;
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất vay: Được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần vào ngày ngày đầu tiên của tháng 1 và tháng 7 hàng năm, lãi suất từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là 8,4%/năm;
 - Phương thức bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017, 02/2017/3586897/HĐBĐ ngày 30/06/2017 giữa ông Nguyễn Văn Trường và bà Hoàng Kim Huệ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/3586897/HĐBĐ ngày 11/06/2019, 02/2019/3586897/HĐBĐ ngày 19/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ Dự án Điện mặt trời áp mái nhà xưởng số 01/2021/3586897/HĐBĐ ngày 13/04/2021;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 3.200.000.000 đồng, khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 1.200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị tính: VND

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm nay	Quý III năm trước
- Doanh thu hoạt động xây lắp	43.371.319.073	2.494.464.385
- Doanh thu bán hàng	64.370.036.395	40.533.634.324
Cộng	107.741.355.468	43.028.098.709
Doanh thu các bên liên quan	-	-
6.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Quý III năm nay	Quý III năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	39.642.281.404	1.899.232.156
- Giá vốn bán hàng	58.454.766.633	34.333.444.067
Cộng	98.097.048.037	36.232.676.223
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III năm nay	Quý III năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	134.103.600	1.773.052
Cộng	134.103.600	1.773.052
6.4. Chi phí tài chính	Quý III năm nay	Quý III năm trước
Lãi tiền vay	963.783.954	2.195.363.808
Cộng	963.783.954	2.195.363.808
6.5. Thu nhập khác	Quý III năm nay	Quý III năm trước
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	254.545.455	-
Thu nhập khác	33	105.014
Cộng	254.545.488	105.014
6.6. Chi phí khác	Quý III năm nay	Quý III năm trước
Các khoản chi phí khác	15.584.957	1.989.162
Cộng	15.584.957	1.989.162

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.860.531.119		65.860.531.119
Phải thu khách hàng	206.379.686.589	9.770.974.558	216.150.661.147
Đầu tư	3.011.575.963	-	3.011.575.963
Phải thu khác	60.272.100	-	60.272.100
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.143.628.148)		(1.143.628.148)
Tổng cộng	274.168.437.623	9.770.974.558	283.939.412.181
Các khoản vay và nợ	98.918.017.138	8.998.460.315	107.916.477.453
Phải trả người bán	53.583.564.019		53.583.564.019
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	240.418.658	-	240.418.658
Tổng cộng	152.741.999.815	8.998.460.315	161.740.460.130
Chênh lệch thanh khoản thuần	121.426.437.808	772.514.243	122.198.952.051

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2024	01/01/2024	30/09/2024	01/01/2024
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	203.165.214.156	206.439.958.689	203.165.214.156	206.439.958.689
Tài sản khác	41.261.594.014	32.573.624.903	41.261.594.014	32.573.624.903
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.339.347.481	65.860.531.119	32.339.347.481	65.860.531.119
Tổng cộng	276.766.155.651	304.874.114.711	276.766.155.651	304.874.114.711
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	59.187.203.178	107.916.477.453	59.187.203.178	107.916.477.453
Phải trả người bán	62.714.876.440	53.583.564.019	62.714.876.440	53.583.564.019
Phải trả khác	256.495.070	-	256.495.070	-
Tổng cộng	122.158.574.688	161.500.041.472	122.158.574.688	161.500.041.472

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/09/2024 và ngày 01/01/2024. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

8.6. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan:

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Văn Trường	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Thành	Hà Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Hà Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Thuyết	Hà Nam	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Chính	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Bà Chu Hải Yến	Hà Nam	Trưởng BKS
Bà Hoàng Thị Thảo	Hà Nam	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Văn Thòa	Hà Nam	Thành viên BKS

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Quý III năm nay (VND)	Quý III năm trước (VND)
Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT	39.323.990	39.264.000
Ông Đoàn Văn Thành	Tổng Giám đốc	37.731.556	32.751.400
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	33.196.248	29.751.400
Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	38.708.018	32.751.400
Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	38.708.018	32.751.400
Bà Chu Hải Yến	Trưởng BKS	18.092.017	15.230.400
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	18.092.017	15.387.200
Ông Nguyễn Văn Thòa	Thành viên BKS	18.092.017	15.387.200
Tổng cộng		241.943.882	213.274.400

8.7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý III năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Trường Sơn do công ty tự lập.

8.8. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Chính

Hà Nam, ngày 18 tháng 10 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 6 tháng 11 năm 2024

Đoàn Văn Thành



TỔNG GIÁM ĐỐC